



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 1 - MH1104297

Mã lớp học phần: 25111MH110429701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		8,5	Tám, năm	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		7,7	Bảy, bảy	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		8,8	Tám, tám	
4	2410110001	Fa Ti	Háh	16/8/2001	C26KT		8,6	Tám, sáu	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		7,9	Bảy, chín	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		8,8	Tám, tám	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		7,8	Bảy, tám	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		7,6	Bảy, sáu	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		7,9	Bảy, chín	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		7,3	Bảy, ba	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT		7,0	Bảy	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		6,7	Sáu, bảy	
13	2410110024	Đáy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		7,0	Bảy	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		7,0	Bảy	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		6,8	Sáu, tám	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quên	24/12/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		8,6	Tám, sáu	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		6,7	Sáu, bảy	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		6,9	Sáu, chín	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT				
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		7,2	Bảy, hai	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		7,4	Bảy, bốn	
26	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/7/2005	C26KT		8,5	Tám, năm	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	7,7	Bảy bảy	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám năm	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 29 vắng thi: 01 . Số bài thi: 29 / 29 .

Ngày: 15 tháng 10 năm 2025

[Signature] TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đào Thị Hoa

Ngày: 14 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Huyền



TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 1 - MH1104297

Mã lớp học phần: 25111MH110429701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		8,6	Tám, sáu	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		7,7	Bảy, bảy	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		8,8	Tám, tám	
4	2410110001	Fa Ti	Háh	16/8/2001	C26KT		8,6	Tám, sáu	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		8,0	Tám	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		8,8	Tám, tám	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		7,7	Bảy, bảy	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		8,0	Tám	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		7,0	Bảy	
11	2410110005	Vũ Ngọc-Thảo	My	22/6/2006	C26KT		6,8	Sáu, tám	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		6,4	Sáu, bốn	
13	2410110024	Đầy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		6,8	Sáu, tám	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		6,8	Sáu, tám	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		6,7	Sáu, bảy	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		8,6	Tám, sáu	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		6,6	Sáu, sáu	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		7,9	Bảy, chín	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		7,9	Bảy, chín	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		6,7	Sáu, bảy	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT				
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		8,6	Tám, sáu	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		7,5	Bảy, năm	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		7,3	Bảy, ba	
26	2410110003	Lê Duy	Trình	24/7/2005	C26KT		8,5	Tám, năm	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>Trúc</i>	7,9	Bảy, chín	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Bích</i>	8,5	Tám, năm	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyên</i>	7,0	Bảy	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 01. Số bài thi: 29 / 29.

Ngày 22 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Trần Thị Hoa

Ngày 21 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Nguyên

Trần Thị Nguyên

TR



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 1 - MH1104297

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110429701 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2110110038	Nguyễn Ngọc Hà	24/09/2003	C23KT2		7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 Số bài thi: 01 / 01

Ngày: 11 tháng 10 năm 2025

Ngày: 11 tháng 10 năm 2025

K. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 1 - MH1104297

Mã lớp học phần: 25111MH110429701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2110110038	Nguyễn Ngọc Hà	24/09/2003	C23KT2		6,9	Six, chín	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0. Số bài thi: 01 / 01.

Ngày 22 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

Ngày 21 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 1 - MH1104297

Mã lớp học phần: 25111MH110429701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110030	Ngô Thị Thảo Ngọc	18/01/2005	C25KT2		6,8	Sai, tám	
2	2310110028	Nguyễn Thị Yến Vy	26/09/2005	C25KT2		6,8	Sai, tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 02 vắng thi: 0 Số bài thi: 02 / 02.

Ngày 15 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

Ngày 14 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 1 - MH1104297

Mã lớp học phần: 25111MH110429701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110030	Ngô Thị Thảo Ngọc	18/01/2005	C25KT2		6,7	Sáu, bảy	
2	2310110028	Nguyễn Thị Yến Vy	26/09/2005	C25KT2		6,7	Sáu, bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 0 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày 22 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 21 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 1 - MH1104297

Giám thị 1: Trần Thị Tuyền

Ký tên: Trần Thị Tuyền

Mã lớp học phần: 25111MH110429701

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Lê Trung San

Ký tên: Lê Trung San

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 12/11/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	<u>M</u>		6,6	Sáu, sáu	C26KT	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	<u>ay</u>		4,9	Bốn, chín	C26KT	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	<u>2u</u>		10	Mười	C26KT	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc	Hà	24/09/2003	<u>ha</u>		1,0	Một	C23KT2	
5	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	<u>h</u>		8,3	Tám, ba	C26KT	
6	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	<u>h</u>		8,8	Tám, tám	C26KT	
7	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	<u>h</u>		8,8	Tám, tám	C26KT	
8	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	<u>nh</u>		5,2	Năm, hai	C26KT	
9	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	<u>h</u>		5,5	Năm, năm	C26KT	
10	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	<u>l</u>		4,7	Bốn, bảy	C26KT	
11	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	<u>l</u>		3,2	Ba, hai	C26KT	
12	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	<u>o</u>		1,2	Một, hai	C26KT	
13	2310110030	Ngô Thị Thảo	Ngọc	18/01/2005	<u>ng</u>		3,3	Ba, ba	C25KT2	
14	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	<u>nh</u>		2,9	Hai, chín	C26KT	
15	2410110024	Đáy Minh	Như	13/07/2006	<u>nh</u>		2,9	Hai, chín	C26KT	
16	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	<u>nh</u>		2,7	Hai, bảy	C26KT	
17	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	<u>Oanh</u>		3,6	Ba, sáu	C26KT	
18	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	<u>qu</u>		6,9	Sáu, chín	C26KT	
19	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	<u>S</u>		8,0	Tám	C26KT	
20	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	<u>th</u>		6,6	Sáu, sáu	C26KT	
21	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	<u>th</u>		8,5	Tám, năm	C26KT	
22	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	<u>th</u>		4,2	Bốn, hai	C26KT	
23	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	<u>ti</u>		6,0	Sáu	C26KT	
24	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	<u>tr</u>		10	Mười	C26KT	
25	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	<u>tr</u>		6,1	Sáu, một	C26KT	
26	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	<u>tr</u>		4,8	Bốn, tám	C26KT	
27	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/7/2005	<u>tr</u>		7,6	Bảy, sáu	C26KT	
28	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	<u>tr</u>		5,8	Năm, tám	C26KT	
29	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	<u>tr</u>		7,9	Bảy, chín	C26KT	
30	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	<u>uy</u>		5,5	Năm, năm	C26KT	
31	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	<u>vi</u>		2,8	Hai, tám	C26KT	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	2310110028	Nguyễn Thị Yên Vy	26/09/2005			2/7	Hai, bảy	C25KT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 32 / 1 .

Số sinh viên đạt: 22 Tỷ lệ đạt: 68,75%

Ngày 25 tháng 1 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 22 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền